BỘ XÂY DỰNG	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 20 /GCN-BXD	

Hà Nội, ngày 11 tháng 01 năm 2019

GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG

Căn cứ Nghị định số 81/2017/NĐ-CP ngày 17/7/2017 của Chính phủ Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 62/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ Quy định về điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng và Thông tư số 06/2017/TT-BXD ngày 25/4/2017 của Bộ Xây dựng về hướng dẫn hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;

Xét hồ sơ đăng ký cấp đổi Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng của Công ty TNHH MTV Ái Phúc ngày 10 tháng 12 năm 2018,

CHỨNG NHẬN:

1. Công Ty TNHH MTV Ái Phúc.

Địa chỉ: Số 404 Đường Cách Mạng Tháng Tám, Phường Vĩnh Lợi, TP. Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang.

Mã số thuế: 1700542539.

Tên phòng thí nghiệm: Phòng thí nghiệm địa kỹ thuật và kiểm định xây dựng.

Địa chỉ đặt phòng thí nghiệm: Tổ 3, Khu Phố 1, Phường Vĩnh Thông, TP. Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang.

Đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng với các chỉ tiêu thí nghiệm nêu trong bảng Danh mục kèm theo Giấy chứng nhận này.

2. Mã số phòng thí nghiệm: **LAS-XD 1435**

3. Giấy chứng nhận này có hiệu lực 05 năm kể từ ngày cấp và thay thế Quyết định số: 485/QĐ-BXD ngày 11/11/2014 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng./.

Nơi nhận:
- Công ty TNHH MTV Ái Phúc;
- Sở XD Tỉnh Kiên Giang;
- TT thông tin (*Website*);
- Lưu: VT, Vụ KHCN&MT.

TL. BỘ TRƯỞNG
VỤ TRƯỞNG
VỤ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG

Vũ Ngọc Anh

DANH MỤC CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM
CỦA PHÒNG THÍ NGHIỆM LAS-XD 1435

(Kèm theo Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng
Số: 20 /GCN-BXD, ngày 11 tháng 01 năm 2019)

TT	Tên phép thử	Cơ sở pháp lý tiến hành thử
	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ XI MĂNG	
1	Độ mịn, khối lượng riêng, khối lượng thể tích của xi măng	TCVN 4030:2003
2	Xi măng – phương pháp thử - xác định cường độ	TCVN 6016:2011
3	Xi măng – PP xác định thời gian đông kết & độ ổn định thể tích	TCVN 6017:2015
4	Xác định độ bền nén bằng phương pháp nhanh	TCVN 3736:1982
	HỖN HỢP BÊ TÔNG VÀ BÊ TÔNG NẶNG	
5	Thiết kế thành phần cấp phối bê tông	TCVN 9382-2012; Số 778/98/QD-BXD ngày 05/09/1998 TCVN 10306:2014 22TCN 276:2001 TCXD 127:1985
6	Lấy mẫu, chế tạo, bảo dưỡng mẫu	TCVN 3105:93
7	Xác định độ sụt của hỗn hợp bê tông	TCVN 3106:93
8	Xác định khối lượng thể tích của hỗn hợp bê tông	TCVN 3108:93
9	Xác định độ tách nước, tách vữa	TCVN 3109:93
10	Thí nghiệm phân tích thành phần hỗn hợp bê tông	TCVN 3110:93
11	Xác định khối lượng riêng	TCVN 3112:93
12	Xác định độ hút nước	TCVN 3113:93
13	Xác định độ mài mòn của bê tông	TCVN 3114:93
14	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 3115:93
15	Xác định độ chống thấm nước	TCVN 3116:93
16	Xác định cường giới hạn bền khi nén của bê tông	TCVN 3118:93
17	Xác định giới hạn bền kéo khi uốn	TCVN 3119:93
18	Xác định giới hạn bền kéo dọc trục khi bửa	TCVN 3120:93
	THÍ NGHIỆM CỐT LIỆU BÊ TÔNG VÀ VỮA	
19	Lấy mẫu	TCVN 7572-1:2006
20	Thành phần cỡ hạt	TCVN 7572-2:2006
21	Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút nước	TCVN 7572-4:2006
22	Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút nước của đá gốc và cốt liệu lớn	TCVN:7572-5:2006
23	Xác định khối lượng thể tích xốp và độ rỗng	TCVN 7572-6:2006
24	Xác định độ ẩm	TCVN 7572-7:2006
25	Xác định hàm lượng bùn, bụi, sét trong cốt liệu và hàm lượng sét cục trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-8:2006
26	Xác định tạp chất hữu cơ	TCVN 7572:9:2006
27	Xác định cường độ và hệ số hóa mềm của đá gốc	TCVN 7572-10:2006
28	Xác định nén dập và hệ số hóa mềm của cốt liệu lớn	TCVN 7572-11:2006
29	Xác định độ hao mài mòn khi va đập của cốt liệu lớn (Los Angeles)	TCVN 7572-12:2006
30	Xác định hàm lượng hạt thoi dẹt trong cốt liệu lớn	TCVN 7572-13:2006
31	Xác định hàm lượng hạt yếu, phong hóa	TCVN 7572-17:2006
32	Xác định hàm lượng mica	TCVN 7572-20:2006
33	Xác định hệ số đương lượng cát (ES)	ASTM D2419:91

		AASHTO-T176
34	PP xác định độ dốc tự nhiên của cát	ASTM D1883:99 AASHTO-T191-87
	THÍ NGHIỆM ĐẤT TRONG PHÒNG	
35	Xác định khối lượng riêng (tỷ trọng)	TCVN 4195:2012
36	Xác định độ ẩm và độ hút nước	TCVN 4196:2012
37	Xác định giới hạn dẻo và giới hạn chảy	TCVN 4197:2012
38	Xác định thành phần cỡ hạt	TCVN 4198:2014
39	Xác định sức chống cắt trên máy cắt phẳng	TCVN 4199:2014
40	Xác định tính nén lún trong điều kiện không nở hông	TCVN 4200:2012
41	Xác định độ chặt tiêu chuẩn	TCVN 4201:2012
42	Xác định khối lượng thể tích (Dung trọng)	TCVN 4202:2012
43	Thí nghiệm sức chịu tải của đất (CBR) – trong phòng thí nghiệm	22TCN 332:2006
44	Xác định hệ số thấm K	ASTM D2434:00 TCVN 8723 : 2012
45	Xác định các chỉ tiêu của đất trên máy nén 3 trục (UU, CU, CD)	TCVN 8868:2011
	THÍ NGHIỆM HIỆN TRƯỜNG	
46	Đo dung trọng, độ ẩm của đất bằng PP dao đai	22TCN 02-71
47	Độ ẩm; Khối lượng TT của đất trong lớp kết cấu bằng PP rót cát	22TCN 346:06
48	Xác định độ bằng phẳng mặt của mặt đường bằng thước 3m.	TCVN 8864:2011
49	Phương pháp thử nghiệm xác định môdul đàn hồi E nền, mặt đường bằng tấm ép cứng	TCVN 8861-2011
50	Áo đường mềm - Xác định mô đun đàn hồi chung của kết cấu bằng cần đo võng Benkelman	TCVN 8867:2011
51	Xác định độ nhám mặt đường bằng phương pháp rắc cát.	TCVN 8866:2011
52	Phương pháp không phá hoại sử dụng kết hợp máy so siêu âm và súng bật nẩy để xác định cường độ nén của bê tông	TCVN 9335:2012
53	Đo điện trở đất	TCVN 9385:2012
54	Thí nghiệm xuyên tiêu chuẩn SPT	TCVN 9351:2012
55	Độ chặt đầm nén	22TCN 333:06
56	PP xác định modul biến dạng hiện trường bằng tấm ép phẳng.	TCVN 9354:2012
57	Cọc – pp thử nghiệm hiện trường bằng tải trọng tĩnh ép dọc trục.	TCVN 9393:2012
58	Xác định cường độ bê tông bằng súng bật nảy	TCVN 9334:2012
	THỬ NGHIỆM VỮA XÂY DỰNG	
59	Xác định kích thước hạt cốt liệu lớn nhất	TCVN 3121-1:03
60	Xác định độ lưu động của vữa tươi	TCVN 3121-3:03
61	Xác định khối lượng thể tích của vữa tươi	TCVN 3121-6:03
62	Xác định khả năng giữ độ lưu động của vữa tươi	TCVN 3121-8:03
63	Xác định khối lượng thể tích mẫu vữa đông rắn	TCVN 3121-10:03
64	Xác định cường độ uốn và nén của mẫu vữa đã đóng rắn	TCVN 3121-11:03
65	Xác định độ hút nước của vữa đã đóng rắn	TCVN 3121-18:03
	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ GẠCH XÂY	
66	Xác định kích thước và khuyết tật ngoại quan	TCVN 6335–1:2009
67	Xác định cường độ nén	TCVN 6335–2:2009
68	xác định cường độ uốn	TCVN 6335–3:2009
69	Xác định độ hút nước	TCVN 6335–4:2009
70	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 6335–5:2009
71	Xác định độ rỗng	TCVN 6335–6:2009
	THỬ NGHIỆM GẠCH BÊ TÔNG TỰ CHÈN	
72	Kiểm tra kích thước và khuyết tật ngoại quan	TCVN 6476 : 1999; ASTMC140-12a

73	Xác định cường độ nén	TCVN 6476 : 1999; ASTMC140-12a
74	Xác định độ hút nước	TCVN 6355-4 : 2009; ASTMC140-12a
75	Xác định độ mài mòn	TCVN 6065 : 1995; ASTMC140-12a
	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ GẠCH BÊ TÔNG	
76	Kiểm tra kích thước và mức khuyết tật ngoại quan; Xác định: cường độ nén; độ rỗng; độ thấm nước; độ hút nước	TCVN 6477:16
	THỬ NGHIỆM THÉP XÂY DỰNG	
77	Vật liệu kim loại – Thử kéo – phần 1: Phương pháp thử ở nhiệt độ phòng	TCVN 197:2014
78	Vật liệu kim loại – Thử uốn	TCVN 198:2008
79	Kiểm tra chất lượng mối hàn – Thử uốn	TCVN 5401:2010
80	Thử kéo mối hàn kim loại	TCVN 5403:2010 AASHTO T244-90
81	Thử nghiệm dây cáp thép, hệ thống neo và cáp dự ứng lực	TCVN 6284 : 1997 22 TCN 267: 2000 ASTM A416; ASTM A370
82	Thí nghiệm bu lông, ốc đai, ốc vít, vật liệu bu lông	TCVN 197 : 14; TCVN 198 : 2008; TCVN 1916 : 1995; ASTM A370, AASHTO T68
83	Thí nghiệm mối nối bằng ống ren, cóc nối thép, tăng đơ, ống thép, thép bản, thép hình, thép lưới, nhôm, tôn lợp mái	TCVN 197:14, TCVN 198 : 2008, TCVN 1916 : 1995, TCVN 8163 : 2009, TCVN 5709 - 2009
	THỬ NGHIỆM BÊ TÔNG NHỰA	
84	Hỗn hợp bê tông nhựa nóng – thiết kế theo phương pháp Marshall	TCVN 8820:2011
85	Xác định độ ổn định, độ dẻo Marshall	TCVN 8860-1:2011
86	Xác định hàm lượng nhựa bằng phương pháp chiết sử dụng máy quay li tâm	TCVN 8860-2:2011
87	Xác định thành phần hạt	TCVN 8860-3:2011
88	Xác định tỷ trọng lớn nhất, khối lượng riêng của bê tông nhựa ở trạng thái rời	TCVN 8860-4:2011
89	Xác định tỷ trọng khối, khối lượng thể tích của bê tông nhựa đã đầm nén	TCVN 8860-5:2011
90	Xác định độ chảy nhựa	TCVN 8860-6:2011
91	Xác định độ góc cạnh của cát	TCVN 8860-7:2011
92	Xác định hệ số độ chặt lu lèn	TCVN 8860-8:2011
93	Xác định độ rỗng dư	TCVN 8860-9:2011
94	Xác định độ rỗng cốt liệu	TCVN 8860-10:2011
95	Xác định độ rỗng lấp đầy nhựa	TCVN 8860-11:2011
96	Xác định độ ổn định còn lại của bê tông nhựa	TCVN 8860-12:2011
	THỬ NGHIỆM NHỰA BITUM	
97	Độ kim lún ở 25 oC	TCVN 7495:2005 (ASTM D 5-97)
98	Độ kéo dài ở 25 oC	TCVN 7496:2005 (ASTM D 113-99)

99	Điểm hoá mềm (dụng cụ vòng và bi)	TCVN 7497:2005 (ASTM D 36-00)
100	Điểm chớp cháy (cốc mở Cleveland)	TCVN 7498:2005 (ASTM D 92-02b)
101	Tổn thất khối lượng sau gia nhiệt 5 giờ ở 163 oC	TCVN 7499:2005 (ASTM D 6-00)
102	Độ hoà tan trong tricloetylen	TCVN 7500:2005 (ASTM D 2042-01)
103	Khối lượng riêng ở 25 oC	TCVN 7501:2005 (ASTM D 70-03)
104	Độ nhớt động học ở 135 oC	TCVN 7502:2005 (ASTM D 2170-01a)
105	Hàm lượng paraphin	TCVN 7503:2005
106	Độ bám dính với đá	TCVN 7504:2005
	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ VẬT LIỆU BỘT KHOÁNG TRONG BTN	
107	Hình dạng bên ngoài	22TCN58:1984
108	Thành phần hạt	22TCN58:1984
109	Lượng mất khi nung	22TCN58:1984
110	Hàm lượng nước	22TCN58:1984
111	Khối lượng riêng của bột khoáng	22TCN58:1984
112	Khối lượng thể tích và độ rỗng của bột khoáng chất	22TCN58:1984
113	Hệ số háo nước	22TCN58:1984
114	Hàm lượng chất hòa tan trong nước	22TCN58:1984
115	Khối lượng riêng của hỗn hợp bột khóang và nhựa đường	22TCN58:1984
116	Khối lượng thể tích và độ rỗng dư của hỗn hợp bột khoáng và nhựa đường	22TCN58:1984
117	Độ trương nở của hỗn hợp bột khoáng và nhựa đường	22TCN58:1984
118	Chỉ số hàm lượng nhựa của bột khoáng	22TCN58:1984
	THỬ NGHIỆM BÊ TÔNG NHẸ - GẠCH BÊ TÔNG KHÍ CHƯNG ÁP (AAC), BÊ TÔNG BỌT, KHÍ KHÔNG CHƯNG ÁP	
119	Sai lệch kích thước, Khuyết tật ngoại quan, Cường độ nén và khối lượng thể tích khô, Độ co khô	TCVN 7959 : 2011 TCVN 9030: 2011
120	Độ vuông góc	TCVN 6415-2:2005
121	Xác định độ thẳng cạnh, độ phẳng mặt	TCVN 7744:2007
122	Độ hút nước	TCVN 3113:1993
	THÍ NGHIỆM BENTONITE	
123	Xác định tỷ lệ chất keo	TCVN 9395:2012
124	Xác định độ dày áo của sét	TCVN 9395: 2012
125	Xác định lực cắt tĩnh	API-RP-13B
126	Xác định tính ổn định	TCVN 9395: 2012
127	Xác định khối lượng riêng	TCVN 9395: 2012
128	Xác định độ nhớt	TCVN 9395: 2012
129	Xác định hàm lượng cát	TCVN 9395: 2012
130	Xác định lượng mất nước	TCVN 9395: 2012
131	Xác định độ pH	TCVN 9395: 2012

Ghi chú (*) – Các tiêu chuẩn kỹ thuật dùng cho các phép thử được liệt kê đầy đủ, bao gồm tiêu chuẩn Việt Nam và nước ngoài (nếu có). Khi có phiên bản mới về tiêu chuẩn kỹ thuật thay thế tiêu chuẩn cũ, phải áp dụng tiêu chuẩn mới tương ứng.